

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Xã Bến Quan

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2025				
		Xã Bến Quan	Cộng gộp giao thu từ các xã			
			Bến Quan	Vĩnh Khê	Vĩnh Hà	Vĩnh Ô
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	447	261	30	156	-
	<i>Ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>277</i>	<i>162</i>	<i>16</i>	<i>98</i>	<i>-</i>
I	Thu nội địa trên địa bàn	447	261	30	156	
1	Thu XNQD địa phương	-				
2	Thu DN có vốn ĐTNN	-				
3	Thuế CTN & DV NQD	131	129	-	2	-
4	Lệ phí trước bạ	101	11	7	83	-
5	Thuế sử dụng đất phi NN	-				
6	Thu tiền thuê đất	-	-	-		-
7	Thuế thu nhập cá nhân	180	92	23	65	-
8	Thu phí và lệ phí	35	29	-	6	-
	<i>- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>					
	<i>- Phí tham quan</i>					
9	Thu tiền sử dụng đất	-	-	-		-
10	Thu khác	-				
	<i>Trong đó: Thu khác NSTW</i>					
	<i>Thu tiền và bảo vệ đất trồng lúa</i>					
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-				
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-				
13	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP được hưởng 100%					
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	-	-	-		-
1	Thu tiền thuê đất	-		-		-
2	Thu phí tham quan					
3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt					
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Xã Bến Quan

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 xã Bến Quan sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ chi	Số đã chi 6 tháng ngân sách huyện điều chỉnh qua xã trung tâm	
			Bến Quan	Vĩnh Khê	Vĩnh Hà	Vĩnh Ô				
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	36.844	6.887	9.096	9.818	11.042	60.769	60.769	-	97.613
	Trong đó: NSDP được hưởng	36.673	6.788	9.082	9.761	11.042	60.769	60.769	-	97.443
I	Thu cân đối NSDP trên địa bàn	447	261	30	156	-				447
	Trong đó: NSDP được hưởng	277	162	16	98	-				277
1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	-	-	-		-				-
	Trong đó NSDP hưởng	-								-
2	Các khoản thu cân đối còn lại	447	261	30	156	-				447
	Trong đó NSDP hưởng	277	162	16	98	-				277
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	-		-		-				-
III	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang									
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	36.397	6.626	9.066	9.662	11.042	60.769	60.769	-	97.166
1	Bổ sung cân đối	27.189	5.848	6.261	7.241	7.840	56.519	56.519	-	83.708
2	Bổ sung có mục tiêu	9.208	779	2.805	2.421	3.202	4.251	4.251	-	13.458
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	36.673	6.788	9.082	9.761	11.042	60.769	60.769	-	97.443
I	Chi xây dựng cơ bản	-	-	-		-				-

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 xã Bến Quan sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ chi	Số đã chi 6 tháng ngân sách huyện điều chỉnh qua xã trung tâm	
			Bến Quan	Vĩnh Khê	Vĩnh Hà	Vĩnh Ô				
1	Vốn tập trung trong nước									
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	-	-	-	-	-				-
II	Chi thường xuyên (1)	26.916	5.889	6.152	7.192	7.683	55.502	55.502	-	82.418
	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	180	45	45	45	45	51.677	51.677		51.857
III	Dự phòng ngân sách	549	120	125	147	157	1.328	1.328		1.878
IV	Chi bổ sung có mục tiêu	9.208	779	2.805	2.421	3.202	3.939	3.939	-	13.147
1	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	1.404	351	266	351	436	3.847	3.847		5.251
2	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	7.804	428	2.539	2.070	2.767	92	92		7.896

(1) Bao gồm số tiết kiệm chi 7 tháng còn lại theo Nghị quyết số 173/NQ-CP: 239 triệu đồng

BỔ SUNG TĂNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Xã Bến Quan

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Dự toán chi thường xuyên	Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ có mục tiêu, chính sách an sinh xã hội
A	Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã	55.502	51.639	3.863
I	Sự nghiệp giáo dục (1)	51.677	48.365	3.311
1	Trường Mầm non Bến Quan	5.791	5.791	
2	Trường Mầm non công lập xã Vĩnh Ô	6.192	6.192	
3	Trường Mầm non CL xã Vĩnh Hà	6.036	6.036	
4	Trường Mầm non công lập xã Vĩnh Khê	4.748	4.748	
5	Trường TH Quyết Thắng	7.938	7.938	
6	Trường PTDTBT TH Vĩnh Hà	4.443	4.443	
7	Trường PTDTBT TH Vĩnh Ô	6.753	6.753	
8	Trường PTDTBT TH Vĩnh Khê	6.262	6.262	
9	Chính sách ASXH	3.311		3.311
10	Đào tạo và đào tạo lại	20	20	
11	Kinh phí chung chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	182	182	
II	Sự nghiệp y tế	1	0	1
1	BHYT cho đối tượng BTXH	1	0	1
III	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	550	0	550
1	Kinh phí trợ cấp thường xuyên các đối tượng BTXH theo NĐ số 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ	328	0	328
2	Chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	103	0	103
3	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng CS	78	0	78
4	Kinh phí chung chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	41	0	41
IV	Các nhiệm vụ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ khác	3.274	3.274	
B	Dự phòng ngân sách	1.328	1.328	
C	Bổ sung có mục tiêu	3.939		3.939

(1) Dự toán giao các trường chuyển giao nguyên trạng từ dự toán giao đầu năm và bổ sung mục tiêu trong năm

CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Xã Bến Quan

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
	Tổng cộng	7.434
1	Các chế độ, chính sách TW	7.434
1.1	SN Giáo dục - Đào tạo	5.520
1.1.1	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	720
1.1.2	Kinh phí thực hiện chính sách theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐT BXH-BTC năm 2024	41
1.1.3	Học bổng học sinh dân tộc nội trú NĐ 84	
1.1.4	Kinh phí thực hiện chính sách 81/2021/NĐ-CP	680
1.1.5	Kinh phí thực hiện chính sách 116/2016/NĐ-CP	4.079
1.2	SN Y tế	118
1.2.2	BHYT cho đối tượng BTXH	118
1.3	SN đảm bảo xã hội	1.796
1.3.1	Kinh phí trợ cấp thường xuyên các đối tượng BTXH theo NĐ số 20/2020/NĐ-CP của Chính phủ	1.614
1.3.2	Chính sách hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	103
1.3.3	KP hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách	78
2	Các chế độ, chính sách địa phương	34
2.1	Kinh phí thực hiện chính sách theo NQ 106/2021/NQ-HĐND	34

(1) Kinh phí thực hiện các chính sách sự nghiệp kinh tế đã giao dự toán cho các xã từ đầu năm

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)***Xã Bến Quan**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	Số đã chi chuyển qua xã trung tâm	
			Bến Quan	Vĩnh Khê	Vĩnh Hà	Vĩnh Ô				
	Tổng cộng	7.804	428	2.539	2.070	2.767	92	92	-	7.896
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	1.846	428	458	458	503	-	-	-	1.846
1	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.287	272	322	322	371	-			1.287
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	383	101	101	101	80	-			383
3	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	58,0	27,5	7,5	7,5	15,5	-			58
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	118,2	27,2	27,3	27,3	36,4	-			118,2
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	30	-	10	10	10	92	92	-	122
1	Thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKT nông thôn; triển khai CT mỗi xã một SP (OCOP).....	-					40	40		40

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	Số đã chi chuyển qua xã trung tâm	
			Bến Quan	Vĩnh Khê	Vĩnh Hà	Vĩnh Ô				
2	Thành phần số 06. Nâng cao chất lượng đời sống VH của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị VH truyền thống....	-					-			-
3	Thành phần số 07. Nâng cao chất lượng MT; xây dựng cảnh quan NT sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn....	-					-			-
4	Thành phần số 08. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các DV hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở....	30		10	10	10	-			30
5	Thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông về xây dựng nông thôn mới...	-					52	52		52
III	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và MN	5.928	-	2.071	1.603	2.254	-	-	-	5.928
1	DA 1.Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	199		199			-			199
2	DA 4.Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.760		1.004	804	952	-			2.760
3	DA 5.Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.035		345	347	343	-			1.035
4	DA 6.Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS số gắn với phát triển du lịch	718		189	189	340	-			718

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 đã giao					Dự toán tăng thêm			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh
		Tổng số	Trong đó				Cộng	Điều chỉnh tăng nhiệm vụ	Số đã chi chuyển qua xã trung tâm	
			Bến Quan	Vĩnh Khê	Vĩnh Hà	Vĩnh Ô				
5	Dự án 8.Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với PN&TE	192		63	63	66	-			192
6	Dự án 9.Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	576		149	106	321	-			576
7	DA10.Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS&MN; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	448		123	94	232	-			448